TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/10/2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
* Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Lý Xuyên
2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Mai Nữ Thanh Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – Sinh năm: 1972.

Hộ khẩu thường trú: 30 Bùi Thị X , tổ dân phố Lam S , phường Ba N , thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở: 193/35 Phạm Văn Đ tổ dân phố Thuận T, phường Cam Th, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông **Trần L** (**Trần Ng) - S**inh năm: 1969.

Nơi cư trú: 27 tỉnh lộ 9, tổ dân phố Lam S, phường Ba N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2018, bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần L (Trần Ng) tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 1991 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 ngày 02 tháng 01 năm 1991. Qúa trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Trần L (Trần Ng) thường

xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà, không chăm lo làm ăn xây dựng gia đình. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, các mâu thuẫn không thể giải quyết nên bà Hiền yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần L (Trần Ng).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần L (Trần Ng) có 02 con chung là Trần Thị Khánh H sinh năm 1991 và Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1993. Hai con đều đã đủ 18 tuổi nên bà Hiền không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần L (Trần Ng) không có nợ chung.

* Bị đơn ông Trần L (Trần Ng) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các đương sự.

*Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn bà Nguyễn Thị H , ông Trần L (Trần Ng) (bản chính); Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân bà H, ông L (bản sao); Giấy khai sinh Trần Thị Khánh H và Trần Thị Mỹ Th (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hi và ông Trần L (Trần Ng) trú tại 27 tỉnh lộ 9, tổ dân phố Lam S , phường Ba N , thành phố C , tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn ông Trần L (Trần Ng) được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp ý kiến; không tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần L (Trần Ng).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần L (Trần Ng) tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 ngày 02 tháng 01 năm 1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2002 xảy ra mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Trần L thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà, không chăm lo làm ăn xây dựng gia đình. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong khoảng thời gian ly thân, ông Trần L và bà H không có biện pháp gì để

hòa giải. Bản thân ông Trần L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp ý kiến; không tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do thể hiện ông thờ ơ, bỏ mặc hôn nhân.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn ông Trần L (Trần Ng) là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung*:* Bà Nguyễn Thị H và ông Trần L (Trần Ng) có 02 con chung là Trần Thị Khánh H , sinh ngày 27 tháng 8 năm 1991 và Trần Thị Mỹ Th , sinh ngày 19 tháng 7 năm 1993. Hai con chung đều đã trưởng thành, bà H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.3] Về tài sản chung*:* Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần L (Trần Ng) nên theo quy định tại khoản 5 Điều Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm với mức thu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H .

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần L (Trần Ng).

2. Về con chung: Các con chung đã thành niên, bà Nguyễn Thị Hiền không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012459 ngày 18/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Hiền có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Trần L (Trần Ng) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C
- CCTHADS TP. C;
- UBND thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng